TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-PT
Ngày 17 tháng 9 năm 2020
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Ông Vũ Duy Luân

Bà Lương Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*:**

Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2020/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nhữ Thị M – sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Xóm 5, thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Xóm 10, thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn kháng cáo: Anh Phạm Hồng T – sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm 5, thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Chị M, anh T đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

* Chị Nhữ Thị M trình bày: Chị và anh Phạm Hồng T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình ngày 04/7/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 21/01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, cờ bạc, không đi làm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ ngày 30/01/2020, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống và ly thân anh T từ đó đến nay. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T.

* Anh Phạm Hồng T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống anh T trình bày phù hợp với lời khai của chị M. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 02 năm 2019 (ngày 27 Tết âm lịch) thì con bị ốm, phải nhập viện. Sau khi xuất viện, chị M đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị M và sống ở đó đến nay. Anh T đã nhiều lần liên lạc để khuyên bảo, hàn gắn, mong chị M quay về chung sống nhưng không có kết quả. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị M cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

2. Về con chung: Chị M và anh T thống nhất trình bày, vợ chồng anh chị có 01 con chung là Phạm Nhữ Thu P, sinh ngày 30/4/2019. Hiện cháu P đang ở cùng anh T. Chị M và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, còn nếu anh T được nuôi con thì anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nhữ Thị M và anh Phạm Hồng T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

* *Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình đã cung cấp như sau:* Chị Nhữ Thị M và anh Phạm Hồng T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình ngày 04/7/2018. Quá trình chung sống, anh T có chơi bời, nợ nần nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2020, chị M không sinh sống tại địa phương.

Nay chị M xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung như anh chị trình bày. Hiện cháu P đang sống cùng bố mẹ đẻ của anh T. Bố anh T làm thợ xây, mẹ anh T làm giáo viên mầm non nên thuê bà Phạm Thị N chăm sóc cháu P.

Về tài sản chung và nợ chung: Địa phương không nắm được cụ thể.

Bản án số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nhữ Thị M ly hôn anh Phạm Hồng T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Nhữ Thu P, sinh ngày 30/4/2019 cho chị Nhữ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị M 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 8/2020 đến khi đủ 18 tuổi.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi chị M, anh T có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/7/2020, anh Phạm Hồng T kháng cáo không đồng ý về việc Tòa án cấp sơ thẩm giao con cho chị M nuôi và xin được trực tiếp nuôi con chung.

Tại phiên tòa, anh Phạm Hồng T trình bày: Khi cháu P được 09 tháng tuổi, anh T xuống thăm con tại nhà bố mẹ đẻ chị M, chị M đã trả con và đồng ý cho anh nuôi. Trong thời gian anh nuôi con, chị M đến thăm con thì có thái độ không tôn trọng bố mẹ anh, nên anh T có nóng giận tát chị M, nhưng anh T không cấm cản chị M đến thăm con. Tuy nhiên, chị M rất ít khi đến thăm con, không quan tâm đến con. Anh T khẳng định hiện tại có công việc ổn định, thu nhập khoảng 12 – 14 triệu/tháng, làm việc tại thành phố Việt

Trì, một tuần có thể về thăm con một lần, có điều kiện để thuê người giúp việc trông con, bố mẹ anh T có thể hỗ trợ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng con. Mặt khác, anh không đồng ý giao con cho chị M nuôi, vì chị M đi làm công nhân, lương thấp, sau này khi chị M kết hôn thì con ở với bố dượng sẽ không an toàn. Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T nuôi, anh T cam kết không ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc con chung của chị M.

Chị Nhữ Thị M trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Chị không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh T vì cháu P còn quá nhỏ, chưa được 15 tháng tuổi, lại hay ốm do tiền sử bị viêm phổi và viêm tai giữa rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Ngày 26/02/2020, khi anh T và mẹ anh T đến thăm con và đề nghị đưa con về nhà anh T chơi rồi giữ con từ đó đến nay không cho chị đón. Những lần chị sang thăm con, anh T ngăn cản, không cho chị gặp, thậm chí còn đánh chị. Hiện chị đang làm công nhân may tại Công ty TNHH Jeil Jersey Vina tại khu công nghiệp Vũ Hội, huyện Vũ Thư, thu nhập từ 5.000.000 – 5.500.000 đồng/tháng, bố mẹ chị ở nhà, có nơi cư trú ổn định nên có thể hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con trong thời gian chị đi làm. Trong khi anh T đang làm xa nhà, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, bố mẹ anh T hiện cũng đang đi làm, phải thuê người giúp việc để trông cháu P. Do vậy, chị không đồng ý với yêu cầu được nuôi con của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của anh Phạm Hồng T làm trong thời hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy: Bản thân anh T hiện đang có nơi cư trú, công việc và thu nhập ổn định, nhưng lại đang làm việc tại Việt Trì – Phú Thọ, không trực tiếp nuôi con mà phải nhờ bố mẹ đẻ và thuê người khác trông nom con. Trong thời gian anh T nuôi con, anh T có hành vi ngăn cản, dùng vũ lực cản trở việc chị M đến thăm con, điều này được cả chị M và anh T xác nhận. Trong khi đó, chị M cũng xuất trình được chứng cứ chứng minh chị có công việc và thu nhập ổn định, chị làm giờ hành chính, ít khi phải làm thêm giờ, bố mẹ chị có điều kiện tốt để hỗ trợ chị chăm sóc cháu P. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh về khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt hơn chị M. Mặt khác, tại thời điểm xét xử cháu P mới được 1 tuổi 4 tháng 17 ngày nên việc giao con dưới 36 tuổi cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T về việc nuôi con chung.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh Phạm Hồng T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Hồng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nhữ Thị M ly hôn anh Phạm Hồng T.

1.2. Về con chung: Giao con chung Phạm Nhữ Thu P, sinh ngày 30/4/2019 cho chị Nhữ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị M 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 8/2020 đến khi đủ 18 tuổi.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi chị M, anh T có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Phạm Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001660 ngày 20/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 17/9/2020.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *TAND, THA huyện Kiến Xương;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà